

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81365 /CT-TTHT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019

V/v chính sách thuế nhà thầu đối
với phần mềm

Kính gửi: Công ty TNHH Motrex Việt Nam
(Đ/c: tầng 10 tòa nhà CMC, số 11 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội - MST: 0108046320)

Trả lời công văn số 002-MTX ngày 11/10/2019 của Công ty TNHH Motrex Việt Nam hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị."

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật."

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

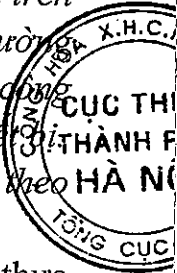
+ Tại khoản 1 Điều 6 mục 1 Chương II quy định về đối tượng chịu thuế GTGT:

"1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), bao gồm:

- Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam; ..."

+ Tại khoản 3 Điều 7 mục 1 Chương II quy định về đối tượng chịu thuế TNDN:

"3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở



hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2. Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).

“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

+ Tại Điều 8 mục 2 chương II quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế.

+ Tại Điều 11 mục 3 chương II quy định về đối tượng và điều kiện nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại khoản 2 Điều 13 quy định về tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế:

“2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

...8. Thu nhập bản quyền: 10%”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty Motrex (Hàn Quốc) phát sinh thu nhập từ bản quyền phần mềm tại Việt Nam khi cung cấp phần mềm cho Công ty TNHH Motrex Việt Nam qua hình thức tải xuống qua mạng internet và nhận thanh toán hàng tháng dựa trên đơn giá mỗi bản tải và số lượng bản tải của phần mềm thì Công ty Motrex Hàn quốc là đối tượng chịu thuế nhà thầu tại Việt Nam:

- Về thuế GTGT: thu nhập từ bản quyền phần mềm là đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 1 Điều 6 mục 1 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

- Về thuế TNDN: thu nhập từ bản quyền chịu thuế TNDN nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 7 mục 1 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp Công ty Motrex Hàn Quốc không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty TNHH Motrex Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ thuế TNDN cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại Điều 11 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Số

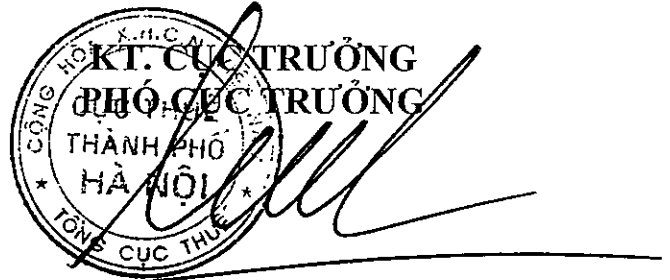
thuế TNDN phải nộp bằng doanh thu tính thuế TNDN nhân với tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế; tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế cho thu nhập từ bản quyền là 10% theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Công ty TNHH Motrex Việt Nam cung cấp hồ sơ cụ thể và liên hệ với Phòng Thanh tra kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Motrex Việt Nam được biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- P. TKT1;
- P. DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6,3)



Nguyễn Tiến Trường

